

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-6- 2023
“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Thảo.
Ông Đỗ Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước - tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1973. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C ..
- 2. Bị đơn:** Bà Bùi Ngọc D, sinh năm 1975. (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh N trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 1997 ông N và bà D qua thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, đã ly thân từ năm

2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Ngọc D.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Trân, sinh năm 1999 và Huỳnh Trọng Nhân – sinh năm 2003, các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn bà Bùi Ngọc D trình bày:* Bà D và ông N kết hôn năm 1997, hôn nhân tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến năm 2017 thì vợ chồng ly thân. Bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Thanh N.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Trân, sinh năm 1999 và Huỳnh Trọng Nhân – sinh năm 2003, các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

Bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do hoàn cảnh phải đi làm ăn xa, nên không thể tham gia giải quyết tại Tòa án.

* *Tại phiên tòa:*

- Ông Huỳnh Thanh N trình bày: Ông N yêu cầu xin ly hôn với bà Bùi Ngọc D. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

- Bà Bùi Ngọc D có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Ngọc D có đơn yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Bùi Ngọc D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1997 ông Huỳnh Thanh N và bà Bùi Ngọc D tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của ông Huỳnh Thanh N và bà Bùi Ngọc D: Vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay; ông N và bà D thống nhất ly hôn, nhưng Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự, do ông N và bà D sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Thanh N và bà Bùi Ngọc D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Trân, sinh năm 1999 và Huỳnh Trọng Nhân – sinh năm 2003, các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Các đương không đặt ra yêu cầu, nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông Huỳnh Thanh N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh N và bà Bùi Ngọc D.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Không đặt ra yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Thanh N phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009120 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, ông N đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn